

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2020/HS-ST

Ngày: 08/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Quang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Kiều Anh Mỹ, Kiểm sát viên .

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố H (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2020/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh L; nơi cư trú: đường P, phường Y, thành phố H, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Diễm C, sinh năm 1975; có vợ: Ngô Thị Thùy B, sinh năm 1999; có 01 con: Trần Ngọc N, 01 tuổi.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, đi học đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà; sau đó đi nghĩa vụ quân sự, lập gia đình và làm nghề phụ hồ cho đến ngày phạm tội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/3/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989; nơi cư trú: đường O, V, thị xã H, tỉnh L. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Anh Phan Cảnh A, sinh năm 1999; nơi cư trú: đường R, phường Y, thành phố H. Có mặt.

2. Chị W, sinh năm 1973; nơi cư trú: E, F, thị xã H, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 03/3/2020, Trần Ngọc T đi chơi về, khi đi bộ ngang qua số nhà đường I, phường Y, thành phố H thì nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75D1-015.26 của chị Nguyễn Thị Mỹ D dựng trên vỉa hè trước nhà, chìa khóa cắm sẵn trên xe và không có người trông coi. T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô nên đi đến mở khóa xe và điều khiển xe mô tô đi trên các tuyến đường ở thành phố H để tìm nơi tiêu thụ. Do không tìm được chỗ tiêu thụ, nên khoảng 20 giờ cùng ngày, T liên lạc với anh Phan Cảnh A ở địa chỉ số đường R, phường Y, thành phố H nói là xe của người bạn ở A Lưới về chơi nhờ gửi lại vài ngày. Anh A đồng ý nên T gửi xe cho anh A rồi đi về nhà. Quá trình điều tra, Trần Ngọc T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy hiệu Sirius màu đen đỏ, biển số 75D1-015.26, số khung 630BY448004, số máy: 5C6344804, xe đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐG ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 75D1-015.26 đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm ngày 03/3/2020 là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKS-HS, ngày 26/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Trần Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 08 đến 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 75D1-015.26 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D, chị D không có yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 03/3/2020, tại trước số nhà đường I, phường Y, thành phố H, Trần Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Mỹ D 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 75D1-015.26 có giá trị là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Ngọc T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên cần xử phạt bị cáo thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 08 tháng tù nhưng cho được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, cũng đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 75D1-015.26 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D, chị D không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm 08/7/2020.

Giao bị cáo Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố H, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp;
- VKSND thành phố H;
- Cơ quan CATP Huế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TT Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Huế;
- Bị cáo;
- THA HS;
- UBND phường Y, tp Huế;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúc Mỹ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa